

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2025/DS-ST

Ngày: 29/8/2025.

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Tấn Phát

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đinh Kim Hoàng

Bà Lê Thị Kim Lê

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phan Quế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Trâm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Công ty T

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng A, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu C - Số A đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hoàng Như P, sinh năm 2000 và bà Nguyễn Nhật V, sinh năm 1999.

Địa chỉ: C V, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2025) (yêu cầu vắng mặt)

***Bị đơn:*** Bà Mai Nguyễn Thanh A, sinh năm 1976

Địa chỉ: 122/27/56/5/14 T, phường K, (Phường H, Quận D cũ), TP . (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:* Công ty T (sau đây gọi tắt là “*Công ty T*”) và bà Mai Nguyễn Thanh A (sau đây gọi tắt là “*bà A*” hoặc “*Bên vay*”) đã ký kết Hợp đồng cho vay

số 11037848 ngày 20/12/2017 (sau đây gọi tắt là “*Hợp Đồng*”) với nội dung như sau:

|                               |                                                                                                |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Số tiền cho vay:              | 145.000.000 đồng                                                                               |
| Lãi suất vay:                 | 28%/năm                                                                                        |
| Kỳ hạn vay:                   | 48 kỳ, thanh toán vào ngày 05 hàng tháng theo Lịch trả nợ                                      |
| Phương thức trả nợ gốc và lãi | Nợ gốc và lãi cùng được thanh toán trong nhiều kỳ hạn, mỗi tháng 01 lần vào ngày 05 hàng tháng |
| Loại hình vay                 | Tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo)                                                       |
| Mục đích vay                  | Tiêu dùng cá nhân                                                                              |

Cùng thời điểm ký kết Hợp đồng, Công ty T đã tiến hành giải ngân số tiền cho vay bằng cách chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bên Vay chỉ định với thông tin tài khoản như sau: Tên chủ tài khoản: M1; Số tài khoản: 0181001408234 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N (V1) - Chi nhánh H.

Từ tháng 01/2018 đến tháng 7/2019, bà Mai Nguyễn Thanh A đã thanh toán cho Công ty T được 19 lần với tổng số tiền là 94.157.700 đồng và kể từ thời điểm này, bà A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty T để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Bên vay theo điểm g Khoản 7.2 Điều 7 của Bản Điều khoản cơ bản đính kèm Hợp đồng cho vay số 11037848 (gọi tắt là “*Bản Điều Khoản Cơ Bản*”): “*Bên vay có nghĩa vụ phối hợp với Bên cho vay để xử lý nợ theo quy định tại Hợp đồng Tín dụng và các thỏa thuận khác (nếu có)*”. Như vậy, Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc và lãi định kỳ theo Lịch trả nợ, cụ thể như sau:

|                                |       |                                                            |
|--------------------------------|-------|------------------------------------------------------------|
| Số kỳ đã thanh toán:           | 19 kỳ | Từ kỳ thứ 1: tháng 01/2018<br>Đến kỳ thứ 19: tháng 7/2019  |
| Số kỳ quá hạn chưa thanh toán: | 29 kỳ | Từ kỳ thứ 20: tháng 8/2019<br>Đến kỳ thứ 48: tháng 12/2021 |

Dựa vào những thông tin được Bên vay cung cấp, Công ty T đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà A xử lý khoản vay quá hạn nhưng bà A vẫn không thực hiện đầy đủ cam kết thanh toán khoản vay trong Hợp Đồng.

Do đó, căn cứ điểm a khoản 8.1 Điều 8 của Bản điều khoản cơ bản quy định: “*Bên vay không thanh toán hoặc không có khả năng thanh toán hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán bất cứ khoản tiền nào đến hạn phải trả theo quy định tại Hợp đồng Tín dụng*”. Theo đó, việc Bên vay vi phạm nghĩa vụ

thanh toán là một trong những sự kiện vi phạm.

Căn cứ theo Khoản 8.2 Điều 8 Bản điều khoản cơ bản, SVFC có quyền yêu cầu bà A thanh toán toàn bộ số dư nợ bao gồm nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 383.816.905 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 106.524.400 đồng; Lãi trong hạn: 42.891.955 đồng; Lãi quá hạn: 234.400.551 đồng.

Như vậy, việc bà Mai Nguyễn Thanh A không hoàn trả đầy đủ số tiền nêu trên cho Công ty T là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cũng như gây ảnh hưởng sâu rộng đến quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty T đề nghị bà Mai Nguyễn Thanh A thanh toán cho Công ty chúng tôi số tiền là 383.816.905 đồng.

Nếu bà Mai Nguyễn Thanh A vẫn không thực hiện được điều trên thì đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật và buộc bà M Nguyễn Thanh A phải hoàn trả đầy đủ số tiền nêu trên ngay cho Công ty và tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng trên dư nợ gốc từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, để thực hiện việc tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ khoản nợ và lãi còn thiếu là có cơ sở, cần được chấp nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, như vậy có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Khu V (Quận D cũ), Tp Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Xét đề nghị của nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bà A có trách nhiệm trả khoản nợ, không yêu cầu đưa thêm người vào tham gia tố tụng là tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận.

[2]. Về nội dung: Hội đồng xét xử nhận thấy: Công ty T (sau đây gọi tắt là “*Công ty T*”) và bà Mai Nguyễn Thanh A (sau đây gọi tắt là “bà A” hoặc “Bên vay”) đã ký kết Hợp đồng cho vay số 11037848 ngày 20/12/2017 (sau đây gọi tắt là “*Hợp Đồng*”) với nội dung như sau:

|                               |                                                                                                |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Số tiền cho vay:              | 145.000.000 đồng                                                                               |
| Lãi suất vay:                 | 28%/năm                                                                                        |
| Kỳ hạn vay:                   | 48 kỳ, thanh toán vào ngày 05 hàng tháng theo Lịch trả nợ                                      |
| Phương thức trả nợ gốc và lãi | Nợ gốc và lãi cùng được thanh toán trong nhiều kỳ hạn, mỗi tháng 01 lần vào ngày 05 hàng tháng |
| Loại hình vay                 | Tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo)                                                       |
| Mục đích vay                  | Tiêu dùng cá nhân                                                                              |

Cùng thời điểm ký kết Hợp đồng, Công ty T đã tiến hành giải ngân số tiền cho vay bằng cách chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bên Vay chỉ định với thông tin tài khoản: Tên chủ tài khoản: M1; Số tài khoản: 0181001408234 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N (V1) - Chi nhánh H.

Từ tháng 01/2018 đến tháng 7/2019, bà A đã thanh toán cho Công ty T được 19 lần với tổng số tiền là 94.157.700 đồng và kể từ thời điểm này, bà A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty T để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Bên vay theo điểm g Khoản 7.2 Điều 7 của Bản Điều khoản cơ bản

đính kèm Hợp đồng cho vay số 11037848 (gọi tắt là “Bản Điều Khoản Cơ Bản”): “*Bên vay có nghĩa vụ phối hợp với Bên cho vay để xử lý nợ theo quy định tại Hợp đồng Tín dụng và các thỏa thuận khác (nếu có)*”. Như vậy, Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc và lãi định kỳ theo Lịch trả nợ, cụ thể như sau:

|                                |       |                                                            |
|--------------------------------|-------|------------------------------------------------------------|
| Số kỳ đã thanh toán:           | 19 kỳ | Từ kỳ thứ 1: tháng 01/2018<br>Đến kỳ thứ 19: tháng 7/2019  |
| Số kỳ quá hạn chưa thanh toán: | 29 kỳ | Từ kỳ thứ 20: tháng 8/2019<br>Đến kỳ thứ 48: tháng 12/2021 |

Công ty T đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà A xử lý khoản vay quá hạn nhưng bà A vẫn không thực hiện đầy đủ cam kết thanh toán khoản vay trong Hợp Đồng.

Căn cứ theo Khoản 8.2 Điều 8 Bản điều khoản cơ bản, Nguyên đơn yêu cầu bà A thanh toán toàn bộ số dư nợ bao gồm nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/8/2025 là 383.816.905 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 106.524.400 đồng; Lãi trong hạn: 42.891.955 đồng; Lãi quá hạn: 234.400.551 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay và lãi hàng tháng mà các bên đã thỏa thuận theo Khoản 8.2 Điều 8 Bản điều khoản cơ bản Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần số tiền nợ gốc và lãi tới hạn là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 90; 91; 95 và Điều 108 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, căn cứ vào các Điều 357, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Công ty T: buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 11037848 ngày 20/12/2017 là: 383.816.905 đồng, trong đó: Dư nợ gốc: 106.524.400 đồng; Lãi trong hạn: 42.891.955 đồng; Lãi quá hạn: 234.400.551 đồng.

Bị đơn còn phải trả lãi chậm thanh toán phát sinh tính từ ngày 30/8/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 11039878 ngày 20/12/2017 cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và



Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 90; 91; 95 và Điều 108 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty T.

Buộc bị đơn - Bà Mai Nguyễn Thanh A có trách nhiệm trả cho Công ty T một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 11037848 ngày 20/12/2017 là: 383.816.905 (Ba trăm tám mươi ba triệu tám trăm mười sáu nghìn chín trăm lẻ năm) đồng, bao gồm: Dư nợ gốc: 106.524.400 đồng; Lãi trong hạn: 42.891.955 đồng; Lãi quá hạn: 234.400.551 đồng.

Bị đơn phải trả lãi chậm thanh toán phát sinh tính từ ngày 30/8/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 11037848 ngày 20/12/2017 cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

Thi hành khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn - Bà Mai Nguyễn Thanh A phải nộp 19.190.845 (Mười chín triệu một trăm chín mươi nghìn tám trăm bốn mươi lăm) đồng.

- Công ty T không phải nộp án phí. Trả lại số tiền tạm ứng án phí 8.538.000 (Tám triệu năm trăm ba mươi tám nghìn) đồng cho Công ty T đã nộp theo biên lai thu số 0008621 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND KV1 TP. HCM;
- THADS TP HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Tấn Phát**